

Phụ lục

ĐỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

03 XÃ: BA LIÊN, BA ĐIỀN, BA VÌ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /4/2025 của Hội đồng nhân dân huyện Ba Tơ)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Quy mô dự kiến	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ban hành			Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác	
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện				
I	XÃ BA LIÊN					12.476,405	12.050,00	10.845,00	1.205,00	12.050,00	10.845,00	1.205,00	
1	Tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH&THCS	UBND xã Ba Liên	L=560 m	thôn Đá Chát	2024-2025	1.500,0	1.500,0	1.350,0	150,0	1.146,528	1.031,875	114,653	Điều chỉnh
2	Nối tiếp tuyến BTXM từ trường TH&THCS đi NVH thôn Hương Chiên	UBND xã Ba Liên	L=200 m	thôn Hương Chiên	2024-2025	350,0	350,0	315,0	35,0	350,0	315,0	35,0	
3	Nâng cấp tuyến đường từ cầu Nước Suối đi Dốc Ồi	UBND xã Ba Liên	L= 1000 m	thôn Hương Chiên	2024-2025	1.000,0	1.000,0	900,0	100,0	1.000,0	900,0	100,0	
4	Kiên cố hóa kênh mương tại đồng Dốc ổi	UBND xã Ba Liên	L = 900 m	Dốc Ồi, thôn Hương Chiên	2024-2025	1.200,0	1.200,0	1.080,0	120,0	1.200,0	1.080,0	120,0	
5	Kè chống sạt lở phía đông suối Đá chát	UBND xã Ba Liên	L= 350 m	thôn Đá Chát	2024-2025	1.500,0	1.500,0	1.350,0	150,0	1.451,0	1.305,9	145,1	Điều chỉnh
6	Trường TH&THCS Ba Liên; hạng mục: Nhà đa năng	UBND xã Ba Liên	Dân dụng, cấp III, diện tích đầu tư 540m2	thôn Hương Chiên	2024-2025	5.500,0	5.500,0	4.950,0	550,0	5.476,1	4.928,5	547,6	Điều chỉnh
7	Trường Mầm non Ba Liên; hạng mục: Bếp ăn đạt chuẩn	UBND xã Ba Liên	Diện tích đầu tư 69m2	thôn Đá Chát	2024-2025	1.000,0	1.000,0	900,0	100,0	1.000,0	900,0	100,0	
8	Nối tiếp BTXM tuyến đường từ trụ sở UBND xã đi trường TH&THCS Ba Liên	UBND xã Ba Liên	L = 302 m	thôn Đá Chát	2025	426,405	0,0	0,0	0,0	426,405	383,765	42,640	Bổ sung
II	XÃ BA VÌ					60.378,00	60.378,00	47.703,00	12.675,00	60.378,00	47.703,00	12.675,00	
1	Nghĩa trang nhân dân xã Ba Vì	UBND xã Ba Vì	10 ha	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	3.000,00	3.000,0	1.800,0	1.200,0	3.000,0	1.800,0	1.200,0	
2	Trường Tiểu học Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	UBND xã Ba Vì	04 phòng học, 02 phòng hỗ trợ học tập và 02 phòng phụ trợ	Thôn Giá Vực, xã Ba Vì	2024-2025	6.750,00	6.750,0	5.400,0	1.350,0	5.685,000	4.548,000	1.137,000	Điều chỉnh
3	Trường THCS Ba Vì; Hạng mục: 04 phòng tập và 02 phòng hỗ trợ	UBND xã Ba Vì	04 phòng tập và 02 phòng hỗ trợ	Thôn Giá Vực, xã Ba Vì	2024-2025	4.450,00	4.450,0	3.560,0	890,0	3.737,500	2.990,000	747,500	Điều chỉnh
4	Nâng cấp BTXM tuyến đường từ nhà Bà Lương đến cầu Nước Ui	UBND xã Ba Vì	L=550m	Thôn Nước Ui, xã Ba Vì	2024-2025	1.000,00	1.000,0	800,0	200,0	1.000,0	800,0	200,0	
5	Đường BTXM Tô Đồng Rò đi bể Nước sạch, thôn Nước Xuyên	UBND xã Ba Vì	L=250m	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	700,00	700,0	560,0	140,0	700,0	560,0	140,0	
6	Kiên cố hóa kênh Mã Nin	UBND xã Ba Vì	L=200m	Thôn Nước Xuyên, xã Ba Vì	2024-2025	1.187,00	1.187,0	950,0	237,0	1.187,0	950,0	237,0	
7	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM đoạn từ cầu Suối Nước Đen đến nhà ông Lầy	UBND xã Ba Vì	L= 1.500m	xã Ba Vì	2024-2025	3.000,00	3.000,0	2.400,0	600,0	3.000,0	2.400,0	600,0	
Trang 1/4													

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Quy mô dự kiến	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ban hành			Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Tổng số			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác	
8	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Nước Trết - Gò Vành	UBND xã Ba Vi	L=1.100m	xã Ba Vi	2024-2025	1.840,00	1.840,0	1.472,0	368,0	1.840,0	1.472,0	368,0	
9	Kiên cố hóa Kênh Nước Trết	UBND xã Ba Vi	L=350m	xã Ba Vi	2024-2025	1.071,00	1.071,0	857,0	214,0	1.071,0	857,0	214,0	
10	Trường Tiểu học Ba Vi; Hạng mục: Tường rào, sửa chữa, nâng cấp sân trường	UBND xã Ba Vi	L = 158m	Thôn Giá Vực, xã Ba Vi	2025	1.065,00	0,0	0,0	0,0	1.065,0	852,0	213,0	Bổ sung
11	Trường THCS Ba Vi; Hạng mục: Sửa chữa, nâng cấp sân trường	UBND xã Ba Vi	DT 2.500 m2	Thôn Giá Vực, xã Ba Vi	2025	712,50	0,0	0,0	0,0	712,5	570,0	142,5	Bổ sung
12	Cầu Pa Ranh	BQL DADTXD&PTQĐ huyện	Cổng hộp khẩu độ 2BxH(3,5x3,5) m, Đường hai đầu cầu L= 79,68m	xã Ba Vi	2024-2025	4.160,00	8.500,0	6.800,0	1.700,0	4.160,0	3.328,0	832,0	
13	Cầu Nước Đen	BQL DADTXD&PTQĐ huyện	Cổng hộp khẩu độ 2H(4x4)m, L=19m; Đường hai đầu cầu L= 300m	xã Ba Vi	2024-2025	8.200,00	8.200,0	6.560,0	1.640,0	8.200,0	6.560,0	1.640,0	
14	Cầu Nước Vai	BQL DADTXD&PTQĐ huyện	Cầu L=24m, B=7m; đường 2 bên cầu L=300m	xã Ba Vi	2024-2025	12.000,00	12.000,0	9.600,0	2.400,0	12.000,0	9.600,0	2.400,0	
15	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM Mang Đen đi Mang Cành	BQL DADTXD&PTQĐ huyện	Chiều dài tuyến: 750m; Đường cấp VI (Miền núi)	xã Ba Vi	2024-2025	3.680,00	3.680,0	2.944,0	736,0	3.680,0	2.944,0	736,0	
16	BTXM cầu Nước Vai đến địa phận thôn Mang Biều (xã Ba Tiêu)	BQL DADTXD&PTQĐ huyện	Cổng hộp 2H(4x4), L=19m; Đường hai đầu cầu L= 650m; Mặt đường BTXM	xã Ba Vi	2024-2025	5.000,00	5.000,0	4.000,0	1.000,0	9.340,0	7.472,0	1.868,0	
III	XÃ BA ĐIỀN					27.485,61	27.000,00	23.700,00	3.300,00	27.000,000	23.700,000	3.300,000	
1	Nối tiếp BTXM tuyến Gò Nghênh - Xóm Đồng	UBND xã Ba Điền	L= 244,06m, và gia cố mái taluy	Thôn Gò Nghênh	2024 -2025	1.000,0	1.000,0	900,0	100,0	1.000,000	900,000	100,000	
2	Nối tiếp BTXM tuyến Gò Nghênh - Hy Long	UBND xã Ba Điền	L= 406,21 m, và gia cố mái taluy	Thôn Hy Long	2024 -2025	750,0	750,0	675,0	75,0	750,000	675,000	75,000	
3	Nâng cấp BTXM Tuyến đường Nhà VH thôn Hy Long - thôn Gò Nghênh	UBND xã Ba Điền	L= 270,07 m, và Công thoát nước ngang	Thôn Gò Nghênh - Thôn Hy Long	2024 -2025	1.150,0	1.150,0	1.035,0	115,0	1.150,000	1.035,000	115,000	
4	Tuyến đường DT 624 - Gò Nè (Nâng cấp Cầu Vã Giá)	UBND xã Ba Điền	L= 145,64 m	Thôn Làng Tương	2024 -2025	1.100,0	1.100,0	990,0	110,0	1.100,000	990,000	110,000	
5	Nâng cấp tuyến đường Gò Nghênh – Làng Rêu	UBND xã Ba Điền	L khoảng 1407m	Thôn Gò Nghênh - Thôn Làng Rêu	2024 -2025	2.600,0	2.600,0	2.340,0	260,0	2.488,752	2.239,877	248,875	Điều chỉnh
6	Nâng cấp tuyến đường Làng Rêu - Gò Vi	UBND xã Ba Điền	L= 799m	Thôn Làng Rêu	2024 -2025	1.000,0	1.000,0	900,0	100,0	1.000,000	900,000	100,000	
7	Tuyến đường DT 624 - Gò Nè (Nâng cấp Cổng hộp suối Nước Ngọt)	UBND xã Ba Điền	Làm mới Cầu bản L=6m BTCT chịu lực	Thôn Làng Tương	2024 -2025	700,0	700,0	630,0	70,0	700,000	630,000	70,000	

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Quy mô dự kiến	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ban hành			Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Tổng số			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác	
8	Nối tiếp BTXM tuyến Làng Roan - Làng Rót	UBND xã Ba Điền	L= 270m	Thôn Làng Rêu	2024 -2025	500,0	500,0	450,0	50,0	500,000	450,000	50,000	
9	Nâng cấp tuyến đường Trường Mầm non - Ngã 4 Gò Nghênh	UBND xã Ba Điền	L= 348m	Thôn Gò Nghênh	2024 -2025	600,0	600,0	540,0	60,0	600,000	540,000	60,000	
10	Nâng cấp BTXM tuyến đường Gò Pa Năng	UBND xã Ba Điền	L= 136m	Thôn Làng Rêu	2024 -2025	500,0	500,0	450,0	50,0	500,000	450,000	50,000	
11	Nâng cấp BTXM tuyến đường Gò Nghênh - Khu thể thao xã	UBND xã Ba Điền	L= 210m	Thôn Gò nghênh	2024 -2025	600,0	600,0	540,0	60,0	600,000	540,000	60,000	
12	Kênh A Lầy - Ka La	UBND xã Ba Điền	Đầu tư mới tuyến kênh + xiphong chiều dài 150 m	Thôn Làng Tương	2024 -2025	300,0	300,0	270,0	30,0	300,000	270,000	30,000	
13	Đập A Vang	UBND xã Ba Điền	Đập : L=30.0m x H=4.5m	Thôn Làng Rêu	2024 -2025	1.900,0	1.900,0	1.710,0	190,0	1.820,170	1.638,153	182,017	Điều chỉnh
14	Kè Suối Hy Long	UBND xã Ba Điền	L = 427,5m	Thôn Hy Long Thôn, Gò Nghênh	2024 -2025	3.000,0	3.000,0	2.700,0	300,0	2.822,707	2.540,436	282,271	Điều chỉnh
15	Kè suối Nước Nè	UBND xã Ba Điền	L = 42m	Thôn Gò Nghênh	2024 -2025	2.000,0	2.000,0	1.800,0	200,0	1.882,759	1.694,483	188,276	Điều chỉnh
16	Tuyến đường điện Gò Nè	UBND xã Ba Điền	Đường dây hạ áp: L = 400 m	Thôn Làng Tương	2024 -2025	250,0	250,0	225,0	25,0	250,000	225,000	25,000	
17	Tuyến đường điện sân vận động xã	UBND xã Ba Điền	Di dời đường dây, L = 300 m	Thôn Gò Nghênh	2024 -2025	650,0	650,0	585,0	65,0	650,000	585,000	65,000	
18	Trường TH&THCS Ba Điền; hạng mục: Kè chống sạt lở, sân thể thao, nhà xe	UBND xã Ba Điền	Xây dựng Nhà để xe học sinh S = 100 m2; Sân tập thể dục thể thao (có khu mái che) S = 1000 m2; Kè chống sạt lở L = 110 m.	Thôn Gò Nghênh	2024 -2025	1.200,0	1.200,0	1.080,0	120,0	1.200,000	1.080,000	120,000	
19	Trường Mầm non Ba Điền; hạng mục: Khu vệ sinh, nhà bếp, kho, phòng bảo vệ, khu vui chơi	UBND xã Ba Điền	Xây dựng Khu vệ sinh và Nhà kho (cho 03 nhóm lớp học) S=40 m2; Phòng bảo vệ; S = 9m2; Kho bếp S = 22 m2; Hành lang cầu nổi L = 40m; Khu vui chơi S = 220 m2.	Thôn Gò Nghênh	2024 -2025	1.200,0	1.200,0	1.080,0	120,0	1.200,000	1.080,000	120,000	
20	Nhà văn hóa xã	UBND xã Ba Điền	1. Tường rào cổng ngõ; 2. Khu vui chơi; 3. Nhà văn hóa.	Thôn Gò Nghênh	2024 -2025	2.000,0	2.000,0	1.800,0	200,0	2.000,000	1.800,000	200,000	

TT	Dự án/Tiểu dự án/Địa bàn/Danh mục	Chủ đầu tư/ Đơn vị giao vốn	Quy mô dự kiến	Địa điểm đầu tư	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã ban hành			Kế hoạch trung hạn sau điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
							Tổng số	Trong đó		Tổng số			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã và huy động khác	
21	Sân thể thao Làng Tương (tường rào, cổng ngõ, sân thể thao)	UBND xã Ba Điền	Xây dựng tường rào, cổng ngõ sân vận động thôn Làng Tương L=130m; lắp đặt dụng cụ thể thao.	Thôn Làng Tương	2024 -2025	400,0	400,0	360,0	40,0	400,000	360,000	40,000	
22	Nhà văn hóa thôn Hy Long (tường rào, cổng ngõ, sân thể thao)	UBND xã Ba Điền	1. Tường rào; Cổng ngõ; 2. Sân thể thao; 3. Lắp đặt các thiết bị TDTT.	Thôn Hy Long	2024 -2025	600,0	600,0	540,0	60,0	600,000	540,000	60,000	
23	Nghĩa trang nhân dân xã	UBND xã Ba Điền	Diện tích 01 ha	Thôn Hy Long	2024 -2025	3.000,0	3.000,0	2.100,0	900,0	3.000,000	2.100,000	900,000	
24	Trường Mầm non Ba Điền; hạng mục: Nhà vệ sinh đây phòng học tập, khu phát triển vận động, sân vườn	UBND xã Ba Điền	Nhà vệ sinh 17,2m2, Khu vận động 185m2, mái che lối đi nội bộ	Thôn Gò Nghênh	2025	485,612	0,0	0,0	0,0	485,612	437,051	48,561	Bổ sung
Cộng (I+II+III)						100.340,02	99.428,00	82.248,00	17.180,00	99.428,000	82.248,000	17.180,000	